

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

14 TCN

TIÊU CHUẨN NGÀNH

14 TCN 122 - 2002

TIÊU CHUẨN
PHÒNG, CHỐNG LŨ
ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

HÀ NỘI - 2002

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

14 TCN

TIÊU CHUẨN NGÀNH

14 TCN 122 - 2002

**TIÊU CHUẨN PHÒNG, CHỐNG LŨ
ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

HÀ NỘI - 2002

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn 14 TCN 122 - 2002: "Phòng, chống lũ đồng bằng sông Hồng" được biên soạn dựa trên cơ sở kết quả nghiên cứu của chương trình phòng chống lũ đồng bằng sông Hồng, sông Thái Bình và các tài liệu liên quan.

Cơ quan biên soạn:

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

Cơ quan trình duyệt:

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Cơ quan ban hành:

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Theo quyết định số 60/2002/QĐ - BNN, ngày 5 tháng 7 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2002

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**
Về việc ban hành tiêu chuẩn ngành

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

- Căn cứ vào Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;
- Căn cứ vào Pháp lệnh Đê điều ngày 24 tháng 8 năm 2000;
- Căn cứ vào Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 08 tháng 3 năm 1993; sửa đổi bổ sung ngày 24 tháng 8 năm 2000;
- Căn cứ vào Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04 tháng 4 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Căn cứ Công văn số 959/CP-NN của Chính phủ ngày 24/10/2001 về việc giao cho Bộ Nông nghiệp và PTNT lập và phê duyệt Tiêu chuẩn phòng, chống lũ đồng bằng sông Hồng để làm cơ sở xây dựng thủy điện Sơn La;
- Căn cứ vào Quy chế lập, xét duyệt và ban hành tiêu chuẩn ngành ban hành kèm theo quyết định số 135/1999-QĐ-BNN-KHCN ngày 01 tháng 10 năm 1999;
- Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ & Chất lượng sản phẩm, Cục trưởng Cục Phòng chống lụt bão & QLDD, Cục trưởng Cục Quản lý nước & CTTL, Viện trưởng Viện Quy hoạch Thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1:** Ban hành kèm theo quyết định này tiêu chuẩn ngành: 14 TCN 122-2002 - Tiêu chuẩn phòng, chống lũ đồng bằng sông Hồng.
- Điều 2:** Tiêu chuẩn này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
- Điều 3:** Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ khoa học công nghệ và Chất lượng sản phẩm, Cục trưởng Cục Phòng chống lụt bão & QLDD, Cục trưởng Cục Quản lý nước & CTTL, Viện trưởng Viện Quy hoạch Thủy lợi, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo Thủ tướng Chính phủ);
- Các Bộ, Ngành;
- UBND các tỉnh, thành phố đồng bằng sông Hồng;
- Như Điều 3;
- Lưu VP.

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Đã ký: Lê Huy Ngọ

TIÊU CHUẨN PHÒNG, CHỐNG LŨ ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Standard of Flood Control for Red River Delta

1. QUI ĐỊNH CHUNG

- 1.1. Tiêu chuẩn này quy định về tần suất phòng, chống lũ cho vùng đồng bằng sông Hồng và mực nước thiết kế cho đê từ cấp III trở lên của hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình.
- 1.2. Tiêu chuẩn này sử dụng để lập và phê duyệt các dự án quy hoạch hệ thống công trình phòng, chống lũ lụt cho đồng bằng sông Hồng, bao gồm: Hồ chứa, đê, công trình phân chậm lũ và thoát lũ.

2. TIÊU CHUẨN PHÒNG, CHỐNG LŨ ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

- 2.1. Tần suất phòng, chống lũ đồng bằng sông Hồng được quy định ở bảng 2.1.

Bảng 2.1. Tần suất phòng, chống lũ đồng bằng sông Hồng

Tiêu chuẩn chống lũ	Nội thành Hà Nội	Các vùng khác
1. Giai đoạn hiện tại, chống lũ tháng 8/1971		
- Tần suất đảm bảo chống lũ, %:	0,8	0,8
- Chu kỳ lặp lại, năm:	125	125
2. Giai đoạn sau khi có hồ Đại Thi		
- Tần suất đảm bảo chống lũ, %:	0,4	0,67
- Chu kỳ lặp lại, năm:	250	150
3. Giai đoạn sau khi có hồ Sơn La, Đại Thi		
a) Trường hợp dung tích phòng lũ các hồ xây dựng trên sông Đà 7 tỷ m ³ nước		
- Tần suất đảm bảo chống lũ, %:	0,2	0,33
- Chu kỳ lặp lại, năm:	500	300
b) Trường hợp dung tích phòng lũ các hồ xây dựng trên sông Đà lớn hơn 7 tỷ m ³ nước		
- Tần suất đảm bảo chống lũ, %:	< 0,2	< 0,33
- Chu kỳ lặp lại, năm:	> 500	> 300

Ghi chú: Tần suất phòng, chống lũ trong bảng 2.1 được kể đến các biện pháp công trình phòng lũ như hồ chứa, phân chậm lũ, đê, thoát lũ của hệ thống sông theo quy hoạch phòng lũ.

- 2.2. Mục nước thiết kế cho đê hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình được quy định ở bảng 2.2.

Bảng 2.2. Mục nước thiết kế cho đê hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình

Tiêu chuẩn chống lũ	Đê Hà Nội (Cấp đặc biệt)	Đê cấp I, II, III
- Mục nước thiết kế cho đê tại Hà Nội, m:	13,4	13,1
- Mục nước thiết kế cho đê tại Phả Lại, m:	-	7,2

Ghi chú:

1. Mục nước thiết kế cho đê tại Hà Nội (trạm thủy văn Hà Nội), Phả Lại (trạm thủy văn Phả Lại) quy định theo cấp đê trong bảng 2.2 dùng để tính toán thiết kế cho từng cấp đê tương ứng;
2. Cơ sở để chọn mục nước tại Phả Lại 7,2 m là lấy tương ứng với mục nước tại Hà Nội 13,10 m;
3. Cao độ lấy theo hệ cao độ quốc gia (14TCN102-2002).

- 2.3. Khi quy hoạch và thiết kế xây dựng mới các hồ chứa có dung tích toàn bộ từ 300 triệu m³ nước trở lên trên hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình phải có dung tích phòng, chống lũ trên cơ sở so sánh kinh tế - kỹ thuật và yêu cầu phòng lũ của hệ thống, do cấp có thẩm quyền quyết định và có sự thoả thuận của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn.

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Đã ký: Lê Huy Ngọ

14 TCN

TIÊU CHUẨN NGÀNH

14 TCN 122 - 2002

**TIÊU CHUẨN PHÒNG, CHỐNG LŨ
ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Cơ quan xuất bản:

TRUNG TÂM THÔNG TIN NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN.